

Đội tìm kiếm tin tức
người Mỹ mất tích
tại Đăk Lăk

Đăk Lăk, ngày 7 tháng 12 năm 1990

T H O N G B Á O

Kính anh Hoàng

KẾT QUẢ TÌM KIẾM TIN TỨC NGƯỜI MỸ
BỊ BẮT MẤT TÍCH TRONG CÁC VỤ: 0011, 1723 và
1017, 1018.

-/-

Trong thời gian vừa qua, đội hỗn hợp tìm kiếm tin tức người Mỹ bị bắt mất tích trong chiến tranh đã tiến hành xác minh, tìm kiếm những trường hợp trong các vụ 0011 (1962); vụ 1723 (năm 1971) và vụ 1017, 1018 (năm 1968) kết quả như sau:

1) Vụ 0011 năm 1962, gồm Archie Emithell, mục sư; Daniel Ager ber nhân viên truyền giáo; Eballora viefhi, Bác sỹ mục sư. Bị bắt ngày 30/5/1962 tại trại tù EaNa.

Qua xác minh, tìm gặp những người biết việc cuối cùng cho chúng tôi đã được ông Nguyễn Ngọc Thành (Ái) nguyên là Phó Bí thư Tỉnh ủy Đăk Lăk năm 1960 - 1962 nay đã nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh, cho biết như sau:

Vào khoảng giữa năm 1962 lúc đó ông Nguyễn Khắc Tĩnh là khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy, ông Thành là Phó Bí thư Tỉnh ủy, có giao nhiệm vụ cho một tổ công tác do ông Thống (đã hy sinh) phụ trách vào bệnh viện hủi Ea Na lấy một số thuốc chữa bệnh để phục vụ cho kháng chiến. Khi anh em đột nhập vào bệnh viện trở ra thì có báo cáo bắt 03 người Mỹ (1 nữ, 2 nam) đưa ra rừng. Do nhận thức của anh em lúc đó thì số người Mỹ này thường giảng đạo tin lành nhưng thực chất là hoạt động tình báo, nếu thả ra sẽ lộ cho cơ sở cách mạng, cùng với điều kiện rừng núi đi lại khó khăn, không có nơi giam giữ, chờ xin ý kiến cấp trên thì quá lâu nên sau khi bắt, anh em đã xử ngay rồi mới báo về báo cáo. Đội công tác lúc đó ngoài ông Thống phụ trách còn có 1 số người nữa, hiện tại số anh em này đã hy sinh gần hết, chỉ còn lại ông Y Quý Buôn gia là huyện đội trưởng Cư Jút nay đã nghỉ hưu. Lúc ấy ông Quý mới tham gia cách mạng, nhưng chắc chắn biết việc này.

Chúng tôi đã gặp ông Y Quý Buôn gia để hỏi lại sự việc, ông cho biết như sau: Năm 1962 lúc ấy tôi (Quý) khoảng 17 tuổi, trình độ văn hóa còn thấp, đi tham gia trong đội công tác do ông Thống phụ trách, cùng đội còn có Y Thu (đã hy sinh) và 1 số người nữa đều đã hy sinh. Vùng EaNa lúc đó còn gọi là K62 sau mới đổi là H6. Vào khoảng tháng 5 năm 1962 đội công tác của V12 đi từ buôn Ea Na ra, lúc đó khoảng 7 giờ tối, gặp 02 người Mỹ 1 nam và 1 nữ đang đứng chơi ở chiếc cầu gỗ, đường vào trại tù; các ông trong đội công tác nghi người Nam giới

này hoạt động xián điệp nên là bắt giữ, còn người Mỹ nữ kia thì không bắt, sau đó 1 số người khác trong đội công tác vào nhà của người Mỹ trong trại rồi bắt tiếp 2 người (1 nam và 1 nữ). Sau đó cùng dẫn 3 người Mỹ này đi theo đường mòn vào rừng, đi được khoảng 500 - 600 mét (gì đó) thì có 1 đường rẽ nhỏ hơn vào khu vực rừng cỏ tranh, rất ít cây to (mà chủ yếu là cỏ tranh). Ông Thống phân công (tôi) (Quý) cùng 1 người nữa (không nhớ tên) đứng ở đầu đường để giữ người Mỹ (nữ) còn lại, số anh khác dẫn 2 người Mỹ nam vào trong. Một lúc sau ông Thống cho người ra gọi tôi (Quý) đưa người nữ vào tiếp. Đi được khoảng 50 mét thì dừng lại, tôi thấy 2 người Mỹ kia đã bị giết chết, nằm úp mặt xuống đất dưới đất, tôi nhìn thấy có 1 hố sâu chừng 80cm đến 1 mét, lúc này ông Thống hỏi người Mỹ nữ: "Bây giờ có nói gì nữa không" người Mỹ này không trả lời. Tiếp sau đó ông Thống và 1 số anh em nữa dùng gậy đánh ch chết người đó và tiếp tục chôn xuống 1 hố chung với hai người kia.

Việc tập chết, chôn được tiến hành nhanh gọn, đêm hôm đó không có trăng, chỉ có sao sáng. Từ khi bị bắt và lúc bị giết cả 3 người đều bị trói.

Về vị trí chôn 3 người Mỹ nằm ở phía Nam buôn Ba Da, cách đường lộ khoảng 500-600 mét vì thời gian quá lâu và vùng rừng này đã bị khai phá để canh tác nên ông Quý không xác định được chính xác vị trí, chỉ xác định trong khoảng diện tích 50 m - 100 mét.

Hiện nay ngoài ông Quý ra, không còn ai là người trực tiếp biết rõ về việc ba người Mỹ trong vụ này đã bị giết chết. Qua những nhân chứng trên chúng tôi xác định là 3 người Mỹ này đều đã bị chết, và hai cốt không biết là có còn hay không.

2) Vụ 1723, Trung úy phi công C. Li ve G. Jeffs bị rơi ngày 12-3-1971 tại khu vực Krông Bông Đək Lək.

Chúng tôi đã tiến hành xác minh kết quả như sau:

Địa điểm rơi của chiếc máy bay nằm ở tọa độ 170 - 949 dưới chân một quả đồi trọc, giữa buôn Hàng I và buôn Hàng II, phía đông là khu vực ruộng sinh. Tây Nam là núi Cự Ri. Cu Rang, Tây là núi Ba Uy, Bắc là buôn Hàng I, Nam là buôn Hàng II. Tại điểm máy bay rơi dấu vết còn lại là 2 hố bom, 1 hố máy bay rơi còn nhiều mảnh, kim loại vụn, oách nhau khoảng 20 mét. Khoảng trước năm 1973 khu vực Buôn Hàng II chưa có dân ở, đến năm 1973 một số người dân từ nơi khác đến sống ở vùng này thấy 1 xác máy bay rơi và 1 quả bom chưa nổ nằm cách nhau khoảng 30 m; cách máy bay khoảng 20 mét có hai hố bom.

Từ năm 1974 đến 1984 một số người dân đã đến tháo gỡ phụ tùng và nhôm ở chiếc máy bay. Tại gia đình ông Trần Thi, Buôn Hăng II Ra Jiêng KRông Păk đang cất giữ 1 bộ phận tháo từ khoang giữa của máy bay, có ghi số hiệu như sau :

9495 - 2AMH

254 - 236

C1 - 3

S 14

62 x 31602 - 1

Còn tại nhà bà Nọ Vêng, Buôn Hăng II có 1 bánh xe răng của (bằng kim loại) lấy từ chiếc máy bay nói trên (đã thu bánh xe này.

Ông Lâm Sinh Lại - sinh năm 1946 tham gia kháng chiến từ 1965 tại vùng Ea Lũ tới 1975 hiện là trưởng ban VHHT-KRông Bông ông Lại cho biết vào khoảng 10 giờ sáng một ngày (không nhớ ngày, tháng) đầu năm 1970 hoặc 1971 (gì đó) tại khu vực Buôn Hăng II có 1 máy bay phản lực của Mỹ bị rơi nhưng do tình hình chiến sự lúc giờ ác liệt nên đơn vị ông không đến hiện trường được. Đơn vị ông cũng không biết tin tức gì về viên phi công bị rơi.

Ông Ama No - 53 tuổi - dân tộc Ê Đê - quê ở Buôn Cư Răm, xã Cư Răm - KRông Bông, tham gia cách mạng từ 1950 đến 1975, là bộ đội tình, trực tiếp phụ trách nhóm du kích bí mật tại khu vực rừng núi KRông Bông (Cư Răm, Cư Pui, và Tang Mạo) cho biết khoảng năm 1971 có 2 du kích bí mật tên là Ai Tum ở Buôn Cư Răm và ông Y Dhoi Nia ở Buôn Nắng Tung xã Giông Mao, trong khi đi làm nhiệm vụ ở khu vực rừng giữa 2 đồi Lăk Ea Găm và Ea M'hăt đã phát hiện 1 chiếc dù phi công rơi ở khu rừng nằm giữa 2 suối Lăk Ea Găm và Ea M'hăt, vị trí gần nơi chiếc dù rơi có 3 quả đồi chung quanh là núi cao bao bọc, rừng rậm và có nhiều thú dữ (vị trí của dù rơi mà hai ông phát hiện gần với tọa độ phía Mỹ cung cấp - cách nhau khoảng 1 đến 2 km).

Tình trạng của chiếc dù lúc 2 ông nhặt được là dù trùm trên cây, có 3 dây bị bắt đứt, không thấy phi công đâu cả. Hai ông này đã tìm kiếm khu vực gần nơi có dù nhưng không thấy phi công nên hai ông đã lấy dù về chia nhau may quần áo. Việc các ông dùng dù phi công may quần áo lúc đó có nhiều người dân trong buôn cùng biết. Ông Ama No có thể đi đến được khu vực có chiếc dù phi công rơi hồi năm 1971.

Ngoài những nguồn tin trên, Đội hỗn hợp tìm kiếm của tỉnh chưa phát hiện thêm được tin tức gì khác về người phi công trong vụ 1723.

Về đường đi đến địa điểm chiếc dù rơi rất khó khăn hiểm trở từ buôn Cư Răm phải đi bộ hoặc voi mất khoảng 2 ngày đường, khu vực rừng này hiện còn rất nhiều thú dữ. Qua xác minh qua địa hình và nhân chứng chúng tôi kết luận viên phi công đã chết vì đói hoặc vì thú dữ. (nhân dân Chăm thù Mỹ nguy hiểm bom chất độc hóa học xuống vùng này gây hậu quả đến hiện nay).

3/ Vụ 1017-01 và 1018-01 gồm trường hợp : Olsen Betty Ann và Henry Bood bị bắt ngày 01 tháng 2 năm 1968 tại Buôn Ma Thuột.

Đội điều tra hợp của tỉnh trong quá trình xác minh tìm kiếm hai vụ 0011 và 1723 đã biết thêm về vụ 1018 và 1017 như sau :

Ông Cao Văn Thám - nguyên là công an vũ trang, thời gian từ 1965 - 1975 tại Đăklăk, nay đã về nghỉ hưu tại thị trấn Buôn Hồ - KRông Búk cho biết : vào dịp tết mậu thân 1968 ông Thám là an ninh vũ trang được giao làm nhiệm vụ canh giữ phạm nhân từ các đơn vị bắt chuyển về. Trong số tù binh do các lực lượng quân giải phóng bắt được dịp đầu năm 1968 giao lại cho trại giam của an ninh có 03 người Mỹ (1 nữ, 2 nam). Người Mỹ nữ còn trẻ, biết nói tiếng Việt và tiếng M Nông, người cao gầy, chuyên đeo kính trắng làm nghề y sĩ, tóc vàng trắng. Một người Mỹ nam còn trẻ khoảng hơn 30 tuổi tóc màu vàng, hơi đen, nói là làm nghề giảng dạy, bị quân giải phóng bắt tại thị xã Buôn Ma Thuột, người này thạo làm thị thú rừng. Người Mỹ thứ 3 đã già khoảng 50 tuổi, cao to, tóc màu nâu bạc, trán hơi hói, mặt có nốt tàn nhang, ông ta nói là tiến sỹ, đi làm nghề truyền giáo, tay có đeo một nhẫn vàng.

Tổ của ông Thám gồm 03 người : ông Hựu là quản giáo tổ trưởng, ông Thám và anh Tề, được giao canh giữ 03 người Mỹ tại trại của an ninh đóng tại Buôn Khí (địa phận KRông Bông). Khoảng 1-2 tháng sau địch phản công hay lùng sục vào khu vực này. Sợ bị lộ nên tổ của ông được lệnh chuyển 03 người Mỹ này rời lên núi cao, cách trại khoảng 2-3 giờ đi bộ để giam giữ riêng. Một thời gian sau thì người Mỹ già hơn bị ghẻ nhiều, sinh bệnh rồi chết tại trại. Anh em đã chôn người này ngay khu vực gần nơi giam giữ. Ông Thám có biết mộ chôn ở khu vực núi Găng Rí ở độ bằng ngang quanh có đá, gần khe nước. Hai người Mỹ còn lại được chuyển dịch sang một chỗ khác (cũng gần nơi giam cũ) giam thêm một thời gian nữa thì lãnh đạo của ông Bánh, ông Tề dẫn đi về khu để đưa ra Bắc. Sau đó nghe tin là đi đến khu vực Quảng Đức gần biên giới Chăm Phu Chia thì Mỹ nữ bị đau bụng, biết lý chết.

Ông Thám còn nhớ nơi giam giữ ở trại cũ là đi qua buôn Ea Chơ khoảng 2 giờ đi bộ:

- Ông Nguyễn Văn Tề đang trú tại đội 12 (thôn Thàng lập) xã Ea Quang Huyện Păk Đăk lăk cho biết: từ năm 1962 đến 1975 ông tham gia an ninh vũ trang tại căn cứ của tỉnh Đăklăk. Năm Mậu thân 1968 ông cùng ông Hưu (tổ trưởng) ông Cao Văn Thám và ông Tề, cùng được giao nhiệm vụ coi giữ 03 người Mỹ bị bắt từ trại tù binh của quân đội chuyển qua Ba người này có 01 nữ, 2 nam (một trẻ, một người già). Thời gian sau ông Tề đi công tác về thì không thấy người Mỹ già, chỉ nghe anh em nói là đã chết. Còn lại hai người Mỹ (1 nữ và 1 nam trẻ), thì tiếp tục giam ở trại một thời gian nữa cho đến khi có lệnh chuyển ra Bắc thì tôi (Tề) được giao nhiệm vụ cùng ông Cảnh (giờ không biết ở đâu) và một người nữa (không nhớ là ai) dẫn 2 người Mỹ này đi đến TB. Khu vực Quảng Đức (cũ) thì người Mỹ nữ bị cảm lạnh, đau bụng và chết. Người Mỹ Nam còn lại khỏe và nói: "Nhờ các ông chôn hộ". Chúng tôi đã chôn người Mỹ nữ này cùng quần áo, vớng của cô ta, có gói trong ni lông, đào hố sâu, ở địa điểm cách trạm T.S một đoạn. Khu vực này toàn rừng cây bany giơ khô có thể xác định được. Người Mỹ thứ 3 được dẫn đến B04 để bàn giao cho đơn vị khác đưa ra Bắc. Sau đó chúng tôi trở về đơn vị.

Ông Hoàng Lâm - Phó giám đốc công an tỉnh kể cho biết: Năm 1968 lúc ấy là Ông là Chánh văn phòng của Ban an ninh, dịp tổng tất công Mậu thân ta có bắt được 3 người Mỹ đưa về giam tại trại của tỉnh: 1 người Mỹ nữ tên là Olsen, Betty Ann, 1 người Mỹ Nam khoảng ngoài 30 tuổi tên là Michael Bengo, một người già tên là Blood, Henry (ông này bị bắt cùng vợ và 3 con đến chiều ta thả cho vợ con về). Khi số này bị giam ở trại Ông Hoàng Lâm là người trực tiếp sang hỏi cung, viết báo cáo về khu. Một thời gian sau thì Blood bị ghê ốm chết, chôn tại khu vực gần trại, mỗi người còn ra bỏ cho một nắm đất xuống mồ. Hai người còn lại giam thêm 1 thời gian thì có lệnh của khu chuyển ra Bắc. Khi đi đến trạm gần biên giới Việt Nam - Cam Pu Chia (khu vực đồn 4 hoặc 5 bây giờ) thì Olsen bị chết tại đây, còn 1 ta đã chuyển ra Bắc để trao trả.

Qua những tin trên đội tìm kiếm của tỉnh đã tiếp tục xác minh thêm tài liệu để xác định hài cốt của Henry Blood được các nhân chứng khác cung cấp thêm như sau:

Ông Y Wot Niê ở buôn Phung xã Cư Pín là người tham gia cách mạng từ 1960 tại trại Ea Knil (buôn khí) cho đến 1975 kể rằng: sau tết Mậu thân 1968 ta bắt đưa về trại Ea Knil (Buôn khí) 3 người Mỹ (1 nữ, 2 nam) trong 2 nam thì có 1 già, 1 trẻ. Người Mỹ già cao khoảng 1,8m gầy và nói tiếng Anh. M Nông Lắc rất thạo, một thời gian sau do chiến tranh ác liệt nên đưa trại lên núi cao Yang Gri. Khoảng 2-3 tháng sau thì người Mỹ già bị ghẻ lở, không mặc được quần dài nên bị nhiễm trùng rồi chết. Lúc người này chết có ông Cao Văn Thám, ông Bách, ông Y Đĩa dẫn phạm nhân đưa xác người Mỹ này chôn ở chân núi Yang Gri. Ông Y Wot Niê còn nhớ rõ được vị trí chôn người Mỹ. Nhưng đường đi đến chỗ đó bây giờ rất khó đi, phải đi bộ từ buôn khí cũ, lên đến nơi mất khoảng 1-2 ngày.

Như vậy, qua điều tra chúng tôi thấy rằng, thông tin của phía Mỹ cung cấp về vụ 0011 là số người Mỹ trong vụ này còn bị giam giữ ở các trại của Việt Nam cho đến năm 1968 và còn có tên trong danh sách trao trả; có thể là có sự nhầm lẫn giữa số người bị bắt trong vụ 1017 năm 1968 với vụ 0011. Vì: Trong 2 vụ đều có 3 người Mỹ (01 nam trẻ, 1 nam trẻ và 1 người nam già) Số người trong hai vụ đều là người truyền giáo. Mitchell và Hen Ry Bood khoảng tuổi cùng nhau, đều là mục sư. Daniel Agerber và Michael Benge cùng 1 khoảng tuổi, Olsen Betty Ann và Viethi Emitehall lúc bị bắt cũng cùng độ tuổi, cùng đeo kính trắng, 1 làm bác sĩ, 1 làm y sĩ.

Trên đây là kết quả tìm kiếm tin tức người Mỹ bị bắt và mất tích ở địa bàn tỉnh Đăk Lăk xin thông báo để đoàn điều tra hỗn hợp biết.